



ISSN 3093 - 3390

TẠP CHÍ

Kinh tế - Tài chính

CƠ QUAN CỦA BỘ TÀI CHÍNH

Kỳ 1 tháng 8/2026 (Số 31)

**Chào mừng 81 năm ngày thành lập
NGÀNH TÀI CHÍNH VIỆT NAM VÀ QUỐC KHÁNH 2/9**



**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH
ĐẾN NĂM 2030 TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025**



<https://tapchikinhjetaichinh.vn>

THÔNG TIN LÝ LUẬN VÀ NGHIỆP VỤ KINH TẾ - TÀI CHÍNH

GIỚI THIỆU, CÔNG BỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

BAN BIÊN TẬP

Tổng Biên tập:

TS. PHẠM THU PHONG

Phó Tổng Biên tập:

BÙI ĐỨC HẢI

TS. VŨ THỊ ÁNH HỒNG

ThS., NGUYỄN HẢI HỒNG

ThS., BÙI THỊ THU HƯƠNG

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

GS. TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG

GS. TS. PHẠM HỒNG CHUƠNG

GS. TS. TRẦN THỌ ĐẠT

GS. TS. NGÔ THẮNG LỢI

GS. TS. NGUYỄN CÔNG NGHIỆP

GS. TS. SỬ ĐÌNH THÀNH

PGS. TS BÙI HUY NHƯỢNG

PGS. TS. TRẦN TRỌNG NGUYỄN

PGS. TS. NGUYỄN HỒNG SƠN

PGS.TS. NGUYỄN ĐÀO TÙNG

MỤC LỤC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH ĐẾN NĂM 2030
TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025

- 7 Chiến lược tài chính đến năm 2030: Những kết quả nổi bật giai đoạn 2021-2025
và định hướng cho giai đoạn phát triển mới **Nguyễn Thị Thu, Nguyễn Tuấn Minh**
- 11 Giải pháp kinh tế - tài chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế 2 con số ở Việt Nam
Lê Thị Mai Liên, Phạm Thị Thanh Hương, Lương Thị Huyền
- 16 Hoàn thiện thể chế, chính sách tài chính - ngân sách, đầu tư và doanh nghiệp
Nguyễn Thị Quỳnh Chi
- 20 Tăng cường quản lý thu, chi ngân sách nhà nước, bảo đảm các cân đối lớn
của nền tài chính quốc gia **Nguyễn Thị Hải Hà, Hà Thị Phương Thảo**
- 25 Cải cách hệ thống chính sách thuế giai đoạn 2021-2025 và giải pháp hoàn
thiện đến năm 2030 **Trương Bá Tuấn**
- 31 Xây dựng hải quan Việt Nam chính quy, hiện đại, ngang tầm hải quan các
nước phát triển **Mai Đức Khánh**
- 36 Xây dựng kho bạc số tại Kho bạc Nhà nước Việt Nam **Đinh Thu Trang**
- 41 Đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà
nước và đổi mới quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp
Nguyễn Thị Thùy Dương, Đoàn Thanh Thảo
- 46 Phát triển thị trường tài chính và dịch vụ tài chính đồng bộ, hiện đại, minh
bạch và bền vững **Lưu Ánh Nguyệt**
- 51 Hội nhập và hợp tác kinh tế tài chính giai đoạn 2021-2025, phương hướng
giai đoạn 2026-2030 **Nguyễn Phương Linh**
- 56 Ứng dụng công nghệ thông tin, thiết lập nền tảng tài chính số, góp phần cải
cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước **Nguyễn Trung Hiếu**

TÀI CHÍNH - DOANH NGHIỆP

- 60 Thể chế phát triển nhân lực trong khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam: Thực
trạng và định hướng hoàn thiện **Phan Văn Mai**
- 67 Tác động từ kinh tế vĩ mô và biến đổi khí hậu đến rủi ro tín dụng của ngân
hàng thương mại Việt Nam **Nguyễn Phan Yến Phương, Phạm Thị Hoàng Anh**
- 72 Ứng dụng Suptech trong bối cảnh phát triển Fintech tại Việt Nam: Cơ sở lý
thuyết, thực trạng và hàm ý chính sách **Phạm Thu Hương**
- 76 Hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong tiến trình
tái cơ cấu và hiện đại hóa **Phạm Xuân Dũng, Phạm Thị Hoàng Anh**
- 81 Tác động của quản trị lợi nhuận đến quy mô vốn hóa của các ngân hàng
thương mại Việt Nam **Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Hoàng Duy**
- 85 Tác động của cấu trúc hội đồng quản trị đến hiệu quả kinh doanh tại các ngân
hàng thương mại cổ phần Việt Nam **Trần Tuấn Minh**
- 89 Đo lường Vốn trí tuệ xanh và rủi ro sai lệch diễn dịch trong phân tích nội dung:
Nghiên cứu trường hợp của Vinamilk
Nguyễn Thị Ngọc, Lê Anh Tuấn, Nguyễn Thị Huyền Trâm
- 96 Vai trò của thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng đối với hiệu quả tài
chính các ngân hàng thương mại **Trần Thị Ngọc Hiền**
- 100 Rủi ro khí hậu, định giá thị trường và khả năng chống chịu tài chính: Bằng
chứng từ các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam **Phạm Hồng Tuyền**
- 105 Phát triển mô hình nghiên cứu năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp
khởi nghiệp **Nguyễn Quốc Nghi, Lê Thị Ngọc Vân**
- 109 Quản trị công ty, công bố thông tin và chi phí vốn ở Việt Nam: Tổng quan
nghiên cứu **Đông Minh Hồng**
- 113 Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các ngân hàng thương mại quy mô lớn tại
Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị **Hoàng Nguyên Khai**
- 117 Tác động của chuyển đổi số đến hiệu quả tài chính của các ngân hàng
thương mại Việt Nam: Vai trò của năng lực cạnh tranh giai đoạn 2015-2025
Tôn Thất Viên



TÒA SOẠN:

703 Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933.2339

ĐẠI DIỆN PHÍA NAM:

138 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Xuân Hòa

TP. Hồ Chí Minh

QUẢNG CÁO & PHÁT HÀNH:

Điện thoại: (024) 3933.0034 - 3933.2339

Email: truyenthong.kttc@gmail.com

TÀI KHOẢN: Tạp chí Kinh tế - Tài chính

7311326688 Ngân hàng TMCP

Ngoại thương Việt Nam CN Tây Hồ

MÃ SỐ THUẾ: 0111000686

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN:

Số 107/GP-BVHTTDL ngày 26/8/2025

của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch

NƠI IN: Công ty TNHH MTV in Tạp chí Cộng sản

GIÁ BÁN: 100.000 đồng

LIÊN HỆ GỬI BÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC:

Phòng Thư ký - Biên tập

Email: nckh.kttc@gmail.com

Hotline: 0779.338.678

- 122 Rủi ro trong đầu tư phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam: Nhận diện, đánh giá và giải pháp kiểm soát **Nguyễn Trí Dũng, Nguyễn Phan Anh**
- 128 Quy trình học máy nhận diện dấu hiệu gian lận báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp sản xuất niêm yết ở Việt Nam **Phạm Thị Hà An**
- 132 Khoảng cách giữa VAS và IFRS trong đo lường và công bố thông tin công cụ tài chính phái sinh: Hàm ý cho ngân hàng thương mại niêm yết **Phạm Thị Thu Thủy**

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- 138 Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về kinh tế tư nhân và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam **Đỗ Văn Nhiệm**
- 141 Mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất trong nền kinh tế số: Thiết kế quy định và cơ chế giải trình môi trường ở Việt Nam **Nguyễn Trí Quốc, Nguyễn Thị Thơm**
- 144 Vai trò của đầu tư trí tuệ nhân tạo, năng lượng tái tạo, chất lượng thể chế và chính sách tài khóa đối với bền vững môi trường tại ASEAN-5 **Nguyễn Thanh Phúc**
- 148 Ứng dụng Prisma trong phân tích nghiên cứu về sự gắn kết của người lao động tại các khách sạn 5 sao từ tài liệu được công bố trên Scopus **Huỳnh Tấn Toàn, Hồ Thị Thanh Thanh, Nguyễn Thị Như Quỳnh, Bùi Thị Nga, Nguyễn Thành Luân, Nguyễn Thùy Linh**
- 153 Đào tạo kỹ năng xanh cho nhân lực nghề logistics Việt Nam dưới tác động của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới **Nguyễn Thị Thanh Mai**
- 158 Tác động từ lãnh đạo phục vụ đến hiệu suất làm việc của người lao động: Vai trò trung gian của niềm tin tổ chức và gắn kết công việc **Nguyễn Ngọc Hưng**
- 162 Chính sách tinh giản biên chế trong khu vực công: Thực trạng và giải pháp đối với thị trường lao động Việt Nam **Nguyễn Hữu Trinh, Đặng Hoài Đình**
- 166 Giải pháp hoàn thiện cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập **Nguyễn Thị Hồng Nguyên**
- 170 Tác động của công bằng cảm nhận đến lòng trung thành khách hàng trong ngành khách sạn Việt Nam **Trần Tuyết Minh**
- 175 Trách nhiệm pháp lý của nền tảng thương mại điện tử trong kiểm soát livestream bán hàng vi phạm: So sánh pháp luật Việt Nam và EU **Nguyễn Hoàng Thanh Thư**
- 179 Nghiên cứu hành vi tiêu dùng của thế hệ trẻ đối với nội dung tiếp thị tạo ra từ trí tuệ nhân tạo tạo sinh **Đinh Nguyệt Bích**
- 182 Quan hệ thương mại Việt Nam - EU trong bối cảnh thực thi EVFTA: Chuyển dịch từ ưu đãi thuế quan sang năng lực thích ứng tiêu chuẩn ESG **Hồ Ngọc Vinh**
- 186 Tăng cường quản lý nhà nước về không gian mạng ở Việt Nam **Nguyễn Văn Long, Nguyễn Đại Lâm, Lê Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Mai**
- 190 Hiệu suất công việc dưới tác động chuyển đổi số: Phân tích trắc lượng thư mục và định hướng nghiên cứu trong tương lai **Phạm Xuân Tới, Phước Minh Hiệp, Hồ Đại Đức**
- 195 Vai trò của khoa học, công nghệ trong xây dựng tiềm lực kinh tế quân sự ở Việt Nam **Nguyễn Đức Lương, Bùi Tiến Phúc**

KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

- 198 Tác động của nhận thức ESG đến hiệu suất bền vững tại doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp khu vực Đông Nam Bộ: Vai trò trung gian kế toán viên và công bố thông tin **Nguyễn Vương Thành Long**
- 202 Ứng dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh vào hệ thống kiểm soát nội bộ khu vực công **Vũ Kiến Phúc, Phạm Quang Huy**

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

- 206 Cơ chế tài chính hỗn hợp trong phát triển trung tâm tài chính: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam **Vũ Thanh Nguyên, Lương Văn Hà**
- 211 Xu hướng hoạt động quan hệ công chúng số: Kinh nghiệm từ các quốc gia phát triển và hàm ý cho Việt Nam **Trần Tuấn Anh**

CÁC SẢN PHẨM CỦA TẠP CHÍ KINH TẾ - TÀI CHÍNH



p-ISSN 3093-3390

Xuất bản 3 kỳ/tháng, điểm khoa học 0,75



p-ISSN 3093-3722

Xuất bản 2 tháng/kỳ, điểm khoa học 0,75.



e-ISSN 3093-3498

<https://tapchikinhjetaichinh.vn>



e-ISSN 3093-334X

<https://nghienccu.tapchikinhjetaichinh.vn>

Điểm khoa học 0,75.



CHUYÊN TRANG CỦA TẠP CHÍ KINH TẾ - TÀI CHÍNH

e-ISSN 3093-3501

<https://thuehaiquan.tapchikinhjetaichinh.vn>



CHUYÊN TRANG CỦA TẠP CHÍ KINH TẾ - TÀI CHÍNH

e-ISSN 3093-3552

<https://ansinh.tapchikinhjetaichinh.vn>

- 215 Kinh nghiệm phát triển logistics xanh tại các nước phát triển và hàm ý cho Việt Nam
Nguyễn Thị Thanh Bình
- 219 Phản ứng chính sách trước biến động giá năng lượng tái tạo: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam
Đỗ Lê Chính, Đỗ Minh Chiến, Lê Thị Ninh
- 222 Kinh nghiệm phát triển kinh tế di sản của Trung Quốc và hàm ý cho Việt Nam
Nguyễn Thị Ly, Nguyễn Quang Tạo
- 225 Xu hướng đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam hiện nay và hàm ý chính sách
Giáp Thị Vĩnh
- 229 Tác động của việc token hóa tài sản thực đối với cơ chế kiểm soát ngoại hối trong nền kinh tế số: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam
Đinh Hoàng Nga
- 233 Phân tích tác động của mạng xã hội và người có tầm ảnh hưởng đến ý định du lịch nội địa của giới trẻ Việt Nam
Nguyễn Khánh Duy
- 238 Ảnh hưởng của tiêu dùng xanh đến ý định du lịch xanh của Gen Z tại TP. Hồ Chí Minh
Phạm Xuân Kiên
- 242 Vai trò của nguồn lực nội bộ trong thúc đẩy kế toán xanh và hiệu quả hoạt động doanh nghiệp thủy sản khu vực Đồng bằng sông Cửu Long
Nguyễn Thị Phúc, Nguyễn Hữu Phú, Nguyễn Hồng Hà
- 249 Yếu tố ảnh hưởng đến mức độ ứng dụng thương mại điện tử của các doanh nghiệp dịch vụ nhỏ và vừa tại TP. Hồ Chí Minh
Nguyễn Thị Vân, Đỗ Lý Hoài Tân
- 253 Đánh giá rào cản chuyển đổi sang mô hình khu công nghiệp bền vững tại TP. Hồ Chí Minh theo phương pháp FAHP
Bùi Thanh Nhân, Hà Kiên Tân
- 257 Quản lý đầu tư công vào hạ tầng nông thôn tỉnh Hưng Yên
Hồ Sỹ Lưu
- 262 Mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng logistics xanh tại doanh nghiệp logistics ở TP. Hải Phòng
Phạm Văn Huy, Lê Sơn Tùng
- 267 Công tác quản lý đầu tư công ở tỉnh Tuyên Quang trong bối cảnh chuyển đổi số: Những vấn đề đặt ra
Hồ Văn Trị
- 272 Phát triển kinh tế đô thị TP. Huế giai đoạn 2021-2025
Nguyễn Hồ Minh Trang
- 276 Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào TP. Huế giai đoạn 2021-2025
Châu Lê Xuân Thi, Trần Huỳnh Quang Minh, Trần Thị Trà My
- 281 Phát triển nông nghiệp bền vững tại phường Hội An Đông, TP. Đà Nẵng trong bối cảnh đô thị hóa
Lê Thị Trường An
- 285 Bảo vệ môi trường để phát triển du lịch biển đảo bền vững tại tỉnh Khánh Hòa
Trần Thị Thanh Phương
- 288 Ảnh hưởng của nhóm nhân tố thể chế, chính sách nhà nước đến quản lý của chính quyền tỉnh Khánh Hòa đối với nuôi trồng thủy sản trên biển
Nguyễn Thị Thanh Vân
- 292 Kinh nghiệm quốc tế và trong nước về tăng thu ngân sách nhà nước địa phương: Hàm ý chính sách cho tỉnh Đắk Lắk
Trần Bình Phương, Trần Thị Mân
- 296 Xây dựng hệ thống bảng điểm cân bằng và chỉ số đo lường kết quả hoạt động cốt yếu trong chiến lược nhân sự tại Thanh tra tỉnh Đồng Nai
Nguyễn Thị Hồng Yến, Trần Hoàng Minh
- 301 Tài chính công cho phát triển hạ tầng đô thị thông minh tại TP. Cần Thơ
Lê Thị Thủy Dương, Đinh Thị Chinh
- 305 Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách đối với dịch vụ lưu trú xanh tại TP. Cần Thơ
Lê Thị Nhã Ca, Nguyễn Huỳnh Phước Thiện
- 309 Nâng cao chất lượng chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước tại Quận khu 4 - Bộ Quốc phòng
Nguyễn Trung Kiên
- 313 Nâng cao chất lượng và hiệu quả thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng
Tô Trung Nam, Nguyễn Ngọc Phương Khánh
- 318 Giải pháp thu hút nguồn vốn FDI vào địa bàn Tây Ninh trong bối cảnh mới
Ngô Quốc Cường, Lê Thị Ngọc Mi
- 322 Giải pháp hoàn thiện hoạt động Marketing Mix 7Ps tại Công ty Cổ phần Cơ khí và Tự động hóa Alpha Vina
Phạm Hữu Thạch, Lý Thành Tiến
- 326 Tác động của trách nhiệm xã hội môi trường đến hình ảnh thương hiệu và lòng trung thành khách hàng: Nghiên cứu tại Vietjet Air
Phan Thị Mỹ Ngọc, Lê Thái Sơn
- 331 Tự hào truyền thống 70 năm ngành Dự trữ nhà nước lớn mạnh cùng đất nước
Văn Trường

VIETNAM ECONOMIC & FINANCIAL REVIEW

CONTENTS

Issue 1, August, 2026 (31)

EDITOR IN CHIEF:

PHAM THU PHONG, Ph.D.

VICE EDITOR IN CHIEF:

BUI DUC HAI

VU THI ANH HONG, Ph.D.

NGUYEN HAI HONG, M.A.

BUI THI THU HUONG, M.A.

EDITORIAL BOARD:

PROF. HOANG VAN CUONG, PH.D.

PROF. PHAM HONG CHUONG, Ph.D.

PROF. TRAN THO DAT, Ph.D.

PROF. NGO THANG LOI, Ph.D.

PROF. SU DINH THANH, Ph.D.

PROF. NGUYEN CONG NGHIEP, Ph.D.

ASSOC. PROF. BUI HUY NHUONG, Ph.D.

ASSOC. PROF. NGUYEN HONG SON, Ph.D.

ASSOC. PROF. TRAN TRONG NGUYEN, Ph.D.

ASSOC. PROF. NGUYEN DAO TUNG, Ph.D.

FOR INQUIRIES AND SUBMISSION
OF SCIENTIFIC RESEARCH PAPERS,
PLEASE CONTACT:

Email: nckh.kttc@gmail.com

Hotline: 077.933.8678

ASSESSMENT OF THE IMPLEMENTATION RESULTS OF THE FINANCIAL STRATEGY TO 2030 DURING THE 2021–2025 PERIOD

7	Finance strategy to 2030: Key achievements during 2021-2025 and strategic directions for the new development phase	Nguyen Thi Thu , Nguyen Tuan Minh
11	Economic and financial solutions for promoting double-digit economic growth in Viet Nam	Le Thi Mai Lien, Pham Thi Thanh Huong, Luong Thi Huyen
16	Strengthening institutional frameworks and policies on public finance, budgeting, investment and enterprises	Nguyen Thi Quynh Chi
20	Strengthening state budget revenue and expenditure management to ensure the major balances of the national financial system	Nguyen Thi Hai Ha, Ha Thi Phuong Thao
25	Tax policy reform in during the 2021-2025 period and policy recommendations for improvement toward 2030	Truong Ba Tuan
31	Building a professional and modern Viet Nam customs administration comparable to the customs administrations of developed countries	Mai Duc Khanh
36	Building a digital treasury at the state treasury of Viet Nam	Dinh Thu Trang
41	Restructuring state-owned enterprises, enhancing operational efficiency, and reforming the management of state capital investment in enterprises	Nguyen Thi Thuy Duong, Doan Thanh Thao
46	Developing a synchronized, modern, transparent, and sustainable financial market and financial services	Luu Anh Nguyet
51	Economic and financial integration and cooperation in the 2021-2025 period and orientations for 2026-2030	Nguyen Phuong Linh
56	Applying information technology and establishing a digital finance platform to support administrative reform and enhance the effectiveness of state management	Nguyen Trung Hieu

FINANCE - BUSINESS

60	The institutional framework for human resource development in the private sector in Viet Nam: Current situation and directions for improvement	Phan Van Mai
67	The impact of macroeconomic factors and climate change on credit risk in Vietnamese commercial banks	Nguyen Phan Yen Phuong, Pham Thi Hoang Anh
72	SupTech applications in the context of fintech development in Viet Nam: Theoretical foundations, current practices, and policy implications	Pham Thu Huong
76	Business performance of commercial banks in Viet Nam during the banking restructuring and modernization process	Pham Xuan Dung, Pham Thi Hoang Anh
81	The impact of earnings management on the capitalization of commercial banks in Viet Nam	Nguyen Thanh Binh, Nguyen Hoang Duy
85	Impact of board of directors structure on the performance of joint-stock commercial banks in Viet Nam	Tran Tuan Minh
89	Measuring green intellectual capital and the risk of interpretive bias in content analysis: An illustrative case study of Vinamilk	Nguyen Thi Ngoc, Le Anh Tuan, Nguyen Thi Huyen Tram
96	The role of user interface and user experience design in the financial performance of commercial banks	Tran Thi Ngoc Hien



OFFICE:

No. 703, Lac Long Quan Street,

Tay Ho Ward, Hanoi City

Tel: (024) 3933.2339

HO CHI MINH OFFICE:

No. 138, Nguyen Thi Minh Khai Street,

Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City

ADVERTISEMENT & PUBLICATION:

Tel: (024) 3933.0034 - 3933.2339

Email: truyenthong.kttc@gmail.com

BANK ACCOUNT: Tạp chí Kinh tế Tài chính

7311326688, Vietcombank, Tay Ho

TAX IDENTIFICATION NUMBER:

0111000686

LICENSE: No. 107/GP-BVHTTDL-dated

26/8/2025, issued by Ministry of Culture,

Sports and Tourism

PRINTED BY

The Communist Review Printing LLC

PRICE: VND 100,000

- 100 Climate risk exposure, market valuation, and financial resilience: Evidence from Vietnamese listed firms **Pham Hong Tuyet**
- 105 Developing a research model for the innovation capability of startups **Nguyen Quoc Nghi, Le Thi Ngoc Van**
- 109 Corporate governance, disclosure, and the cost of capital in Viet Nam: A literature review **Dong Minh Hong**
- 113 Artificial intelligence applications in large commercial banks in Viet Nam: Current practices and policy recommendations **Hoang Nguyen Khai**
- 117 The impact of digital transformation on the financial performance of Vietnamese commercial banks: The role of competitiveness in the period 2015-2025 **Ton That Vien**
- 122 Risks in smart city development investment in Viet Nam: Identification, assessment, and control measures **Nguyen Tri Dung, Nguyen Phan Anh**
- 128 An interpretable machine learning framework for detecting financial statement fraud in listed manufacturers in Viet Nam **Pham Thi Ha An**
- 132 The gap between VAS and IFRS in the measurement and disclosure of derivative financial instruments: Implications for listed commercial banks **Pham Thi Thu Thuy**

RESEARCH - EXCHANGE

- 138 Ho Chi Minh's perspective on the private economy and its application by the communist party of Viet Nam **Do Van Nhiem**
- 141 Extended producer responsibility in the digital economy: Regulatory design and environmental accountability in Viet Nam **Nguyen Tri Quoc, Nguyen Thi Thom**
- 144 The role of artificial intelligence investment, renewable energy, institutional quality, and fiscal policy in environmental sustainability: Evidence from the ASEAN-5 **Nguyen Thanh Phuc**
- 148 Application of the PRISMA framework in the literature analysis of employee engagement in five-star hotels: Evidence from Scopus-indexed publications **Huynh Tan Toan, Ho Thi Thanh Thanh, Nguyen Thi Nhu Quynh, Bui Thi Nga, Nguyen Thanh Luan, Nguyen Thuy Linh**
- 153 Green skills training for Viet Nam's logistics workforce under the impact of new-generation free trade agreements **Nguyen Thi Thanh Mai**
- 158 Impact of servant leadership on employee job performance: The mediating roles of organizational trust and work engagement in enterprises **Nguyen Ngoc Hung**
- 162 Downsizing policy in the public sector: Current situation and policy implications for Viet Nam's labour market **Nguyen Huu Trinh, Dang Hoai Dinh**
- 166 Improving the financial mechanism for public non-business units in Viet Nam **Nguyen Thi Hong Nguyen**
- 170 Impact of perceived justice on customer loyalty in the Vietnamese hotel industry **Tran Tuyet Minh**
- 175 Legal responsibility of e-commerce platforms for controlling infringing sales livestreams: A comparison between Vietnamese and the European Union's law **Nguyen Hoang Thanh Thu**
- 179 Consumer behavior of young generations toward GenAI-generated marketing content **Dinh Nguyet Bich**
- 182 Vietnam-EU trade relations in the context of EVFTA implementation: The shift from tariff preferences to ESG standards compliance **Ho Ngoc Vinh**
- 186 Strengthening state management of cyberspace in Viet Nam **Nguyen Van Long, Nguyen Dai Lam, Le Thi Thu Huong, Nguyen Thi Mai**
- 190 Job performance under digital transformation: A bibliometric analysis and future research directions **Pham Xuan Toi, Phuoc Minh Hiep, Ho Dai Duc**
- 195 The role of science and technology in building military economic potential in Viet Nam **Nguyen Duc Luong, Bui Tien Phuc**

ACCOUNTING - AUDIT

- 198 Impact of ESG awareness on sustainable performance in agricultural manufacturing enterprises in southeast: the mediating roles of accountants and sustainability disclosure **Nguyen Vuong Thanh Long**
- 202 Innovating public sector internal control through the transformative role of Gen AI **Vu Kien Phuc, Pham Quang Huy**

PUBLICATIONS OF VIETNAM
ECONOMIC & FINANCIAL REVIEW



p-ISSN 3093-3390

Published three issues per month
scientific score: 0.75



**Vietnam Economic
& Financial Review**

p-ISSN 3093-3722

Published bi-monthly, scientific score: 0.75

Kinh tế - Tài chính
TẠP CHÍ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

e- ISSN 3093-3498

<https://tapchikinhjetaichinh.vn>

Nghiên cứu Kinh tế - Tài chính
TẠP CHÍ KINH TẾ - TÀI CHÍNH

e-ISSN 3093-334X

<https://ngnienccuu.tapchikinhjetaichinh.vn>

Scientific score: 0.75

Thuế & Hải quan
Online

CHUYÊN TRANG CỦA TẠP CHÍ KINH TẾ - TÀI CHÍNH

e-ISSN 3093-3501

<https://thuehaiquan.tapchikinhjetaichinh.vn>

An sinh xã hội
Online

CHUYÊN TRANG CỦA TẠP CHÍ KINH TẾ - TÀI CHÍNH

e-ISSN 3093-3552

<https://ansinh.tapchikinhjetaichinh.vn>

PRACTICES - EXPERIENCES

- 206 Blended finance mechanisms in financial center development: International experience and policy implications for Viet Nam **Vu Thanh Nguyen, Luong Van Ha**
- 211 Digital public relations trends: Experiences from developed countries and implications for Viet Nam **Tran Tuan Anh**
- 215 Green logistics development experiences in developed countries and implications for Viet Nam **Nguyen Thi Thanh Binh**
- 219 International policy responses to renewable energy price fluctuations: Policy and implications for Viet Nam **Do Le Chinh, Do Minh Chien, Le Thi Ninh**
- 222 China's experience in developing the heritage economy and implications for Viet Nam **Nguyen Thi Ly, Nguyen Quang Tao**
- 225 Current trends in Chinese investment in Viet Nam and policy implications **Giap Thi Vinh**
- 229 The impact of real-world asset tokenization on foreign exchange control mechanisms in the digital economy: International experience and implications for Viet Nam **Dinh Hoang Nga**
- 233 Impact of social media and influencers on the domestic travel intention of Vietnamese youth **Nguyen Khanh Duy**
- 238 Impact of green consumption on green travel intention among Generation Z in Ho Chi Minh City **Pham Xuan Kien**
- 242 Role of internal resources in promoting green accounting and business performance in fisheries enterprises in the Mekong Delta **Nguyen Thi Phuc, Nguyen Huu Phu, Nguyen Hong Ha**
- 249 Factors influencing the adoption of e-commerce by small and medium-sized service enterprises in Ho Chi Minh City **Nguyen Thi Van, Do Ly Hoai Tan**
- 253 Assessing barriers to the transition toward a sustainable industrial park model in Ho Chi Minh City using the FAHP **Ho Sy Luu**
- 257 Public investment management for rural infrastructure development in Hung Yen province **Bui Thanh Nhan, Ha Kien Tan**
- 262 Research model of the determinants of green logistics adoption among logistics enterprises in Hai Phong **Pham Van Huy, Le Son Tung**
- 267 Public investment management in tuyen quang province in the context of digital transformation: Emerging challenges **Ho Van Tri**
- 272 Urban economic development in Hue City during the 2021-2025 period **Nguyen Ho Minh Trang**
- 276 Current situation of foreign direct investment attraction in Hue City during the 2021-2025 period **Chau Le Xuan Thi, Tran Huynh Quang Minh, Tran Thi Tra My**
- 281 Sustainable agricultural development in Hoi An Dong Ward in the context of urbanization **Le Thi Truong An**
- 285 Environmental protection for sustainable coastal and island tourism development in Khanh Hoa Province **Tran Thi Thanh Phuong**
- 288 Institutional and policy determinants of the Khanh Hoa provincial government's management of marine aquaculture **Nguyen Thi Thanh Van**
- 292 International and domestic experiences in enhancing local government budget revenue: Policy implications for Dak Lak Province **Tran Binh Phuong, Tran Thi Man**
- 296 Developing a balanced scorecard and key performance indicators for human resource strategy: A case study of the Dong Nai Provincial inspectorate **Nguyen Thi Hong Yen, Tran Hoang Minh**
- 301 Public finance for smart urban infrastructure development in Can Tho City **Le Thi Thuy Duong, Dinh Thi Chinh**
- 305 Factors influencing tourists' satisfaction with green accommodation services in Can Tho City **Le Thi Nha Ca, Nguyen Huynh Phuoc Thien**
- 309 Enhancing the quality of current expenditure budget execution under the State Budget at Military Region 4, Ministry of National Defense **Nguyen Trung Kien**
- 313 Enhancing the quality and effectiveness of investment attraction in the expanded Bau Bang Industrial Park **To Trung Nam, Nguyen Ngoc Phuong Khanh**
- 318 Strategies for attracting foreign direct investment to Tay Ninh Province in the new context **Ngo Quoc Cuong, Le Thi Ngoc Mi**
- 322 Solutions for enhancing the 7Ps marketing mix at Alpha Vina mechanical and Automation Joint Stock Company **Pham Huu Thach, Ly Thanh Tien**
- 326 The impact of environmental social responsibility on brand image and customer loyalty: Evidence from Vietjet Air **Phan Thi My Ngoc, Le Thai Son**
- 329 Celebrating 70 years of the State Reserve Sector - Growing Strong with the nation **Van Truong**



THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO TP. HUẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025

CHÂU LÊ XUÂN THI¹, TRẦN HUỖNH QUANG MINH², TRẦN THỊ TRÀ MY³

Tóm tắt

Nghiên cứu phân tích thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại TP. Huế giai đoạn 2021-2025 nhằm đánh giá xu hướng biến động và những đóng góp của dòng vốn này đối với sự phát triển kinh tế địa phương. Kết quả cho thấy, số lượng dự án và vốn FDI thực hiện có xu hướng tăng, phản ánh sự cải thiện của môi trường đầu tư và hiệu quả trong công tác hỗ trợ triển khai dự án. Dòng vốn FDI vào TP. Huế tập trung chủ yếu vào công nghiệp chế biến, chế tạo và bất động sản, với sự tham gia nổi bật của các nhà đầu tư đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc. Khu vực FDI đóng góp tích cực vào tăng trưởng xuất khẩu, tạo việc làm và tăng thu ngân sách địa phương. Tuy nhiên, quy mô vốn đăng ký còn biến động, cơ cấu đầu tư chưa cân đối và các lĩnh vực công nghệ cao, kinh tế xanh còn thu hút hạn chế. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất TP. Huế cần chuyển mục tiêu từ thu hút FDI theo số lượng sang lựa chọn các dự án FDI chất lượng cao, công nghệ hiện đại và phát triển bền vững.

Từ khóa: Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), thu hút FDI, TP. Huế, phát triển kinh tế địa phương, phát triển bền vững

CURRENT SITUATION OF FOREIGN DIRECT INVESTMENT ATTRACTION IN HUE CITY DURING THE 2021-2025 PERIOD

Abstract

This study examines the current situation of foreign direct investment (FDI) attraction in Hue City during the 2021-2025 period to evaluate trends in FDI inflows and their contributions to local economic development. The findings indicate that both the number of FDI projects and realized investment capital have increased over the study period, reflecting improvements in the investment environment and greater effectiveness in project implementation support. FDI inflows have been concentrated primarily in the manufacturing and processing industries and the real estate sector, with significant investments from Japan, South Korea, and China. The FDI sector has made positive contributions to export growth, employment generation, and local budget revenues. However, registered investment capital has remained volatile, the investment structure has been unbalanced, and high-technology and green economy sectors have attracted relatively limited investment. Based on these findings, the study recommends that Hue City shift its investment promotion strategy from prioritizing the quantity of FDI projects to attracting high-quality investments characterized by advanced technologies and sustainable development.

Keywords: Foreign direct investment (FDI), FDI attraction, Hue City, local economic development, sustainable development

Ngày nhận bài: 25/5/2026; Ngày hoàn thiện biên tập: 19/6/2026; Ngày duyệt đăng: 15/7/2026

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là một trong những nguồn lực bên ngoài quan trọng đóng góp lớn vào tăng trưởng GDP và thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại Việt Nam nói chung và các địa phương nói riêng. Tuy nhiên, sự phân bổ của dòng vốn này đang bộc lộ sự phân hóa mạnh mẽ theo không gian địa lý, chủ yếu tập trung tại 2 khu vực kinh tế trọng điểm

Bắc - Nam. Đối với TP. Huế - một đô thị đặc thù sở hữu nhiều lợi thế về di sản và hạ tầng đồng bộ, kết quả thu hút FDI dù có nhiều khởi sắc, nhưng quy mô dòng vốn vẫn chưa hoàn toàn tương xứng với tiềm năng. Nghiên cứu phân tích thực trạng thu hút vốn FDI tại TP. Huế giai đoạn 2021-2025 sẽ cung cấp bức tranh tổng quan nhằm đề xuất các giải pháp thu hút nguồn vốn phù hợp với chiến lược phát triển của Thành phố.

¹ ThS., Khoa Kinh tế và Phát triển, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế; Email: clxthi@hce.edu.vn

² ThS., Khoa Kinh tế và Phát triển, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế; Email: thqminh@hce.edu.vn

³ ThS., Khoa Kế toán - Tài chính, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế; Email: tttramy@hce.edu.vn



CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là một khái niệm quan trọng trong đầu tư quốc tế, được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau. FDI là phương thức phổ biến để các doanh nghiệp kiểm soát tài sản sản xuất ở nước ngoài. Thông qua FDI, các doanh nghiệp có thể khai thác lợi thế nội bộ (lợi thế đặc thù về quyền sở hữu) bằng cách kết hợp chúng với lợi thế đặc thù về địa điểm ở nước ngoài như: cơ hội thị trường, nguồn lực và chuỗi giá trị địa phương. Mục tiêu khác của FDI là nâng cao lợi thế đặc thù về quyền sở hữu bằng cách tập trung đầu tư vào các trung tâm công nghệ mới nổi ở nước ngoài (Lagendijk và Hendrikx, 2009). Dưới góc độ pháp lý tại Việt Nam, Luật Đầu tư (Quốc hội, 2020) quy định, FDI là hình thức nhà đầu tư nước ngoài đưa vốn (bằng tiền hoặc bất kỳ tài sản nào) vào một quốc gia khác để xác lập quyền sở hữu, quản lý hoặc kiểm soát một thực thể kinh tế nhằm tối đa hóa lợi ích. Nhìn chung, có thể hiểu, FDI là hình thức đầu tư quốc tế mà nhà đầu tư nước ngoài góp vốn đủ lớn để thiết lập cơ sở sản xuất kinh doanh, trực tiếp tham gia điều hành, chia sẻ rủi ro và thu lợi nhuận.

Nhiều nghiên cứu đã khẳng định, vốn đầu tư là yếu tố quyết định tốc độ tăng trưởng kinh tế, đặc biệt tại các quốc gia đang phát triển, nơi nguồn nội lực không đủ để đáp ứng nhu cầu. FDI là một trong những kênh quan trọng thu hút nguồn vốn bên ngoài và mang lại hiệu quả cao (Nguyễn Thị Ánh Linh, 2012). Đồng quan điểm, Nguyễn Anh Dũng và cộng sự (2026) nhận định, trong thời kỳ mở cửa, việc huy động và sử dụng FDI có tác động tích cực và toàn diện đối với nền kinh tế. Nguồn vốn này không chỉ bù đắp sự thiếu hụt về vốn và ngoại tệ, mà còn góp phần chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực quản lý, tăng thu ngân sách, giải quyết việc làm, tạo điều kiện phát triển sản xuất và đầu tư chiều sâu nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm.

Tổng quan nghiên cứu

Các nghiên cứu trong nước đã phác thảo bức tranh FDI tại Việt Nam. Nguyễn Thị Mai và cộng sự (2023) nhận định, vốn FDI đóng vai trò như một “cú hích” động lực, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng sản phẩm quốc dân (GDP), đẩy mạnh kim ngạch xuất khẩu và thúc đẩy tiến trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa. Xu hướng phân bổ dòng vốn FDI và các rào cản thu hút đầu tư đã được phân tích trong nhiều bối cảnh địa phương và vùng kinh tế. Cụ thể, nghiên cứu về thực trạng FDI tại TP. Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng, dòng vốn này đóng vai trò then chốt trong việc tạo động lực tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy chuyển giao công nghệ và chủ động hội nhập quốc tế (Phạm Xuân Hậu và Phạm Thị Bạch Tuyết, 2013). Mặc dù là địa phương dẫn đầu cả

nước, thực trạng thu hút và hiệu quả sử dụng FDI tại đây vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, đòi hỏi các giải pháp hợp lý hơn. Nghiên cứu các rào cản trong việc thu hút FDI tại vùng Nam Trung Bộ cho thấy, dòng vốn còn khiêm tốn về số lượng dự án và quy mô vốn, phân bổ không đồng đều giữa các địa phương và chủ yếu tập trung vào lĩnh vực công nghiệp - xây dựng cùng dịch vụ du lịch. Những đặc trưng này đặt ra nhiều yêu cầu nhận diện các rào cản trong bối cảnh mới (Châu Ngọc Hòe và Lê Đức Thủy, 2021).

Các nghiên cứu chỉ ra rằng, dòng vốn FDI tập trung tại 2 vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và phía Nam do lợi thế vượt trội về hạ tầng và mạng lưới logistics. Trong khi đó, các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nói riêng gặp nhiều hạn chế trong việc tiếp cận các dự án quy mô lớn do những bất lợi về liên kết vùng, sự phân hóa rất mạnh theo không gian địa lý, thiếu hụt lao động có tay nghề cao và chi phí vận tải. Đồng thời, xu hướng nghiên cứu mới hiện nay cũng cho thấy, xu hướng thu hút FDI có sự dịch chuyển mạnh mẽ từ tư duy “thu hút bằng mọi giá” sang việc sàng lọc dự án dựa trên tiêu chuẩn công nghệ sạch và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2026). Như vậy, FDI đóng vai trò cốt lõi trong phát triển kinh tế của vùng và địa phương. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu tập trung vào các trung tâm kinh tế lớn hoặc cấp vùng, hiện vẫn còn thiếu các đánh giá chi tiết về thực trạng thu hút dòng vốn này tại TP. Huế - một đô thị mang tính đặc thù cao.

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng hệ thống dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các nguồn chính thống và có độ tin cậy cao. Cụ thể, số liệu về dòng vốn FDI được tổng hợp từ báo cáo định kỳ của Sở Tài chính TP. Huế (bao gồm dữ liệu từ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế trước đây) và Niên giám thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2025. Ngoài ra, nghiên cứu kế thừa kết quả từ các công trình khoa học, bài báo công bố trên các tạp chí chuyên ngành có liên quan. Để đảm bảo tính chính xác và nhất quán, toàn bộ dữ liệu thu thập được tác giả phân loại, kiểm chứng và đồng bộ theo phạm vi không gian địa giới hành chính của TP. Huế, phục vụ cho mục tiêu phân tích.

Nghiên cứu sử dụng phần mềm Microsoft Excel để xử lý và hệ thống hóa dữ liệu đã thu thập. Thông qua các chỉ số thống kê mô tả, phương pháp này phác thảo một bức tranh tổng quan về thực trạng thu hút vốn FDI trên địa bàn thành phố Huế trong giai đoạn nghiên cứu. Các số liệu sau khi xử lý sơ bộ sẽ được tổng hợp, phân tích chuyên sâu và thể hiện sinh động thông qua hệ thống bảng biểu, đồ thị. Trên cơ sở đó, phương pháp so sánh (theo chuỗi thời gian và theo cơ cấu ngành/lĩnh vực) được áp dụng nhằm nhận diện các xu hướng biến động, phát hiện những



điểm nghẽn tồn tại, từ đó làm rõ bản chất và đặc điểm của dòng vốn FDI dịch chuyển vào TP. Huế.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

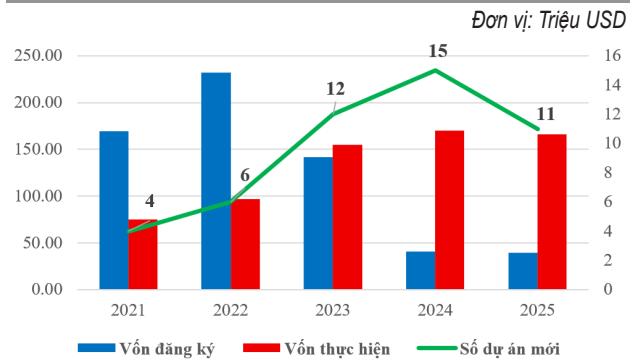
Trong những năm gần đây, công tác thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế nói chung và TP. Huế nói riêng đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Nhờ sở hữu các lợi thế vượt trội về di sản văn hóa thế giới, hệ thống hạ tầng đồng bộ như: sân bay quốc tế Phú Bài, cảng nước sâu Chân Mây và các khu công nghiệp (KCN) trọng điểm (như KCN Phú Bài, KCN Phong Điền, KCN La Sơn), Huế đã trở thành điểm đến tin cậy của nhiều tập đoàn đa quốc gia từ Singapore, Pháp, Hoa Kỳ, Đan Mạch, Nhật Bản... Dòng vốn FDI không chỉ đóng góp quan trọng vào tăng trưởng GRDP và nguồn thu ngân sách địa phương, mà còn tạo ra việc làm, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, xanh và bền vững. Mặc dù vậy, bức tranh thu hút FDI tại đây vẫn còn đối mặt với một số thách thức khi quy mô dòng vốn chưa tương xứng với tiềm năng.

Số dự án, tổng vốn đăng ký và tổng vốn thực hiện FDI giai đoạn 2021-2025

Số lượng dự án mới được cấp phép tại TP. Huế tăng trưởng liên tục và mạnh mẽ, từ 4 dự án (năm 2021) lên 15 dự án (năm 2024). Đến năm 2025, số dự án mới giảm xuống còn 11 dự án (Hình 1). Nhìn chung, khả năng tiếp cận và thu hút các nhà đầu tư mới của địa phương đã cải thiện rõ rệt qua các năm, cho thấy môi trường đầu tư ngày càng thông thoáng, hấp dẫn. Vốn đăng ký mới FDI của Thành phố có sự biến động mạnh; tuy nhiên, không có sự tăng giảm tương ứng với sự thay đổi về số lượng dự án. Dòng vốn đăng ký không tăng đều mà tăng mạnh trong 2 năm đầu và giảm nhanh trong 3 năm tiếp theo. Giai đoạn tăng trưởng (2021-2022), vốn đăng ký tăng vọt lên 169,1 triệu USD (2021) và đạt đỉnh 231,9 triệu USD vào năm 2022. Sự bứt phá này gắn liền với việc địa phương cấp phép thành công cho một vài dự án hạ tầng, công nghiệp hoặc dịch vụ mang tính chiến lược, quy mô lớn như trung tâm thương mại Aeon Mall Huế, dự án Nhà máy Kanglongda Huế, ...

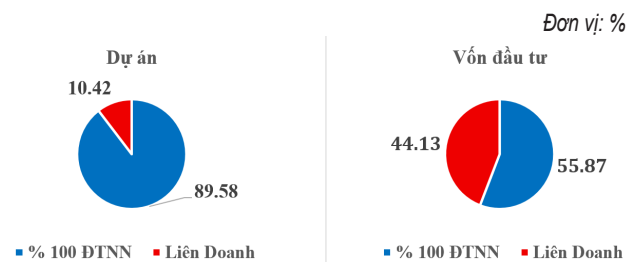
Giai đoạn 2023-2025 thể hiện rõ rệt mức suy giảm vốn đăng ký FDI của Thành phố, khi giảm về 141,8 triệu USD (2023) và lao dốc mạnh trong 2 năm 2024-2025, xuống còn quanh mức 39-40 triệu USD. Điều này thể hiện trong giai đoạn này, mặc dù địa phương thu hút nhiều dự án FDI, nhưng quy mô vốn đăng ký của các dự án này còn nhỏ. Trái ngược hoàn toàn với sự tăng giảm của vốn đăng ký FDI của địa phương, vốn thực hiện (giải ngân thực tế) tăng trưởng liên tục, ổn định và cực kỳ ấn tượng trong 5 năm qua, từ 40,9 triệu USD (2021) lên 170,0 triệu USD (2024). Vốn thực hiện năm 2024-2025 cao gấp hơn 4 lần so với năm 2021. Điều này chứng

HÌNH 1: SỐ DỰ ÁN, TỔNG VỐN ĐĂNG KÝ VÀ TỔNG VỐN THỰC HIỆN FDI GIAI ĐOẠN 2021-2025



Nguồn: Sở Tài chính, TP. Huế

HÌNH 2: DỰ ÁN VÀ VỐN ĐẦU TƯ FDI PHÂN THEO HÌNH THỨC GÓP VỐN GIAI ĐOẠN 2021-2025



Nguồn: Sở Tài chính, TP. Huế

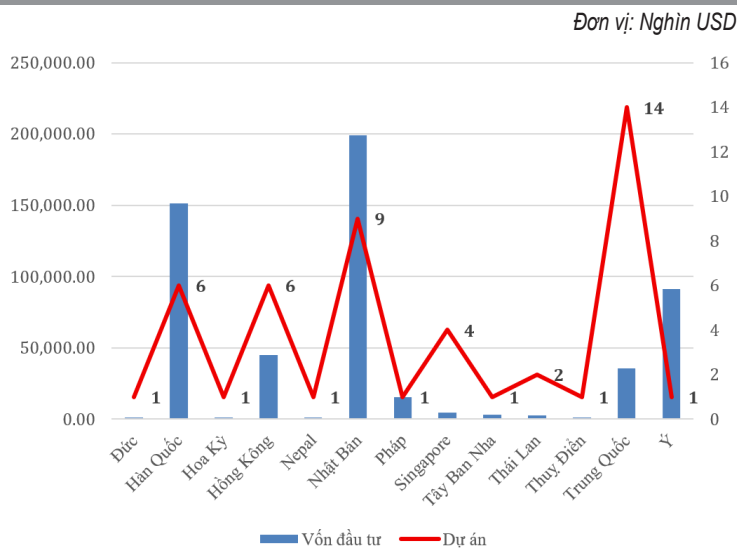
tỏ năng lực quản lý, hỗ trợ thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng và đồng hành cùng nhà đầu tư của chính quyền địa phương khá hiệu quả, giúp các dự án nhanh chóng triển khai thay.

Dự án và vốn FDI phân theo hình thức góp vốn

Phân theo hình thức góp vốn FDI, hình thức 100% vốn đầu tư nước ngoài áp đảo về số lượng (Hình 2). Đây là hình thức phổ biến và được các nhà đầu tư nước ngoài ưa chuộng nhất, chiếm tới 89,58% tổng số dự án, về quy mô vốn, chiếm 55,87% tổng vốn thực hiện. Ưu điểm của hình thức này là nhà đầu tư nước ngoài được ưu tiên quyền tự quyết hoàn toàn trong quản lý, vận hành và sở hữu công nghệ khi thiết lập dự án, qua đó giảm thiểu rủi ro xung đột lợi ích với đối tác trong nước. Đối với hình thức liên doanh, chỉ có 5 dự án (tương đương 10,42%). Dù số lượng dự án ít, hình thức này vẫn chiếm 44,13% tổng vốn. Như vậy, so sánh quy mô vốn trên dự án thì hình thức liên doanh có quy mô vốn trên dự án lớn hơn so với những dự án 100% vốn đầu tư FDI (gấp 1,5 lần), hình thức này thường áp dụng trong các ngành nghề có điều kiện, yêu cầu khắt khe về pháp lý hoặc các lĩnh vực cần tận dụng sự am hiểu thị trường, quỹ đất và mạng lưới quan hệ của đối tác bản địa. Dòng vốn FDI có xu hướng lựa chọn hình thức 100% đầu tư nước ngoài nhưng khi đầu tư vào các dự án mang tính chiến lược hoặc có quy mô nguồn vốn lớn, các nhà đầu tư vẫn tìm kiếm giải pháp liên kết, chia sẻ

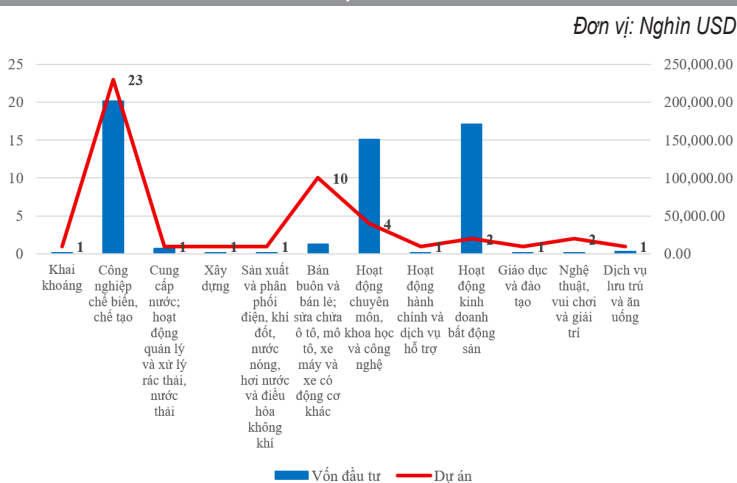


**HÌNH 3: DỰ ÁN VÀ VỐN FDI PHÂN THEO CHỦ ĐẦU TƯ
GIAI ĐOẠN 2021-2025**



Nguồn: Sở Tài chính, TP. Huế

**HÌNH 4: DỰ ÁN VÀ VỐN FDI PHÂN THEO NGÀNH KINH TẾ
GIAI ĐOẠN 2021-2025**



Nguồn: Sở Tài chính, TP. Huế

rủi ro và hợp tác với dòng vốn trong nước thông qua hình thức liên doanh.

Dự án và vốn FDI phân theo chủ đầu tư

Giai đoạn 2021-2025, TP. Huế đón nhận nguồn vốn FDI từ 13 quốc gia. Trong đó, Nhật Bản đứng đầu về tổng vốn đầu tư (trên 200 triệu USD) và đứng thứ hai về số lượng dự án (9 dự án) (Hình 3).

Quy mô vốn bình quân cho một dự án cũng ở mức rất cao (khoảng 22 triệu USD). Điều này cho thấy, các doanh nghiệp Nhật Bản tin tưởng vào môi trường đầu tư tại TP. Huế và sẵn sàng đầu tư với các dòng vốn lớn, mang tính dài hạn. Vị trí thứ hai là Hàn Quốc với 6 dự án và tổng vốn đầu tư trên 150 triệu USD. Tiếp theo là nhà đầu tư đến từ Italia, đây là một trường hợp đặc biệt và nổi bật khi chỉ với duy nhất 1 dự án (nhà máy chế biến cát thạch anh) nhưng

tổng vốn đầu tư lên đến 91,11 triệu USD, dự án này kéo quy mô vốn bình quân của Italia lên mức cao nhất trong tổng các dự án. Trung Quốc dẫn đầu về số lượng dự án (14 dự án), nhưng tổng vốn đầu tư chỉ đứng thứ tư (35,75 triệu USD) với quy mô bình quân mỗi dự án ở mức vừa phải (2,55 triệu USD). Chiến lược dòng vốn Trung Quốc là đa dạng hóa, tận dụng các cơ hội ở nhiều lĩnh vực kinh tế khác nhau thông qua các dự án quy mô vừa và nhỏ. Tiếp theo là Hồng Kông (6 dự án) và Singapore (4 dự án) với số lượng dự án tương đối nhằm thâm nhập sâu vào lĩnh vực như chế biến, chế tạo. Bên cạnh đó, TP. Huế còn nhận dòng vốn từ các nhà đầu tư thuộc các quốc gia khác, như: Hàn Quốc, Tây Ban Nha, Thái Lan, Thụy Điển, Nepal, Đức, Anh, Hoa Kỳ, Pháp (đều là các quốc gia có sự hiện diện khiêm tốn về số dự án với tổng vốn thấp).

Thông qua phân tích trên, có thể thấy, dòng vốn FDI đang phụ thuộc lớn vào khu vực Đông Á (Nhật Bản, Hồng Kông, Hàn Quốc và Trung Quốc) và một vài dự án đơn lẻ mang tính đặc biệt từ châu Âu (Italia). Xu hướng chọn lựa mô hình đầu tư của các quốc gia có quy mô vốn lớn ở Huế như Nhật Bản, Hàn Quốc và Italia là đầu tư vào các dự án lớn, đòi hỏi kỹ thuật và thâm dụng vốn cao. Ngược lại, các quốc gia khác điển hình là Trung Quốc có xu hướng tận dụng lợi thế địa lý và chi phí đầu vào thấp để dàn trải dòng vốn vào nhiều dự án nhỏ, linh hoạt và đa ngành hơn.

Dự án và vốn FDI phân theo ngành kinh tế

Bức tranh phân bổ dòng vốn FDI theo ngành kinh tế tại TP. Huế giai đoạn 2021-2025 phản ánh rõ xu hướng dịch chuyển nguồn vốn đầu tư (Hình 4). Trong giai đoạn này, dòng vốn FDI đã hiện diện ở nhiều ngành kinh tế, tuy nhiên, mức độ phân bổ giữa các ngành còn chênh lệch đáng kể. Nguồn vốn tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với 23 dự án, chiếm hơn 35% tổng vốn FDI của Thành phố. Đây là lĩnh vực giữ vai trò trọng điểm nhờ tạo ra giá trị gia tăng cao và đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế địa phương. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh bất động sản cũng thu hút lượng vốn lớn. Mặc dù chỉ có 2 dự án, lĩnh vực này chiếm hơn 40% tổng vốn FDI, chủ yếu nhờ các dự án quy mô lớn như Trung tâm thương mại Aeon Mall và các dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Điều này cho thấy, Thành phố đang từng bước đa dạng hóa nguồn vốn thông qua việc thu hút các nhà đầu tư tư nhân vào phát triển hạ



tăng. Tuy nhiên, sự chênh lệch về quy mô vốn và số lượng dự án giữa các ngành cũng đặt ra nhiều thách thức đối với mục tiêu thu hút FDI theo hướng công nghệ cao và phát triển xanh. Các lĩnh vực được ưu tiên như: khoa học và công nghệ, nông, lâm nghiệp và thủy sản, cấp nước, xử lý rác thải và nước thải vẫn thu hút một lượng vốn rất khiêm tốn từ các nhà đầu tư nước ngoài.

Đóng góp FDI vào địa phương

Giai đoạn 2021-2025, khu vực FDI tiếp tục là động lực quan trọng thúc đẩy hoạt động ngoại thương và nâng cao năng lực sản xuất của TP. Huế. Kim ngạch xuất khẩu tuy biến động theo chu kỳ nhưng vẫn tăng từ 763,8 triệu USD năm 2021 lên 815 triệu USD năm 2025, phản ánh khả năng phục hồi và mở rộng thị trường (Bảng 1). Kim ngạch nhập khẩu cũng tăng mạnh từ 250 triệu USD lên 462 triệu USD, cho thấy sự mở rộng sản xuất và nhu cầu nhập khẩu máy móc, nguyên liệu của khu vực FDI. Đáng chú ý, khu vực này luôn duy trì trạng thái xuất siêu, góp phần cải thiện cán cân thương mại và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương.

FDI cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo việc làm và tăng thu ngân sách. Sau khi giảm xuống 21.500 lao động năm 2023 do tác động của kinh tế vĩ mô, số lao động tăng mạnh lên 29.000 người vào năm 2025, góp phần bảo đảm sinh kế và ổn định xã hội. Thu ngân sách từ khu vực FDI tăng từ 129 triệu USD năm 2021 lên khoảng 185 triệu USD năm 2024 trước khi giảm nhẹ xuống 171,9 triệu USD năm 2025. Nhìn chung, FDI không chỉ thúc đẩy xuất khẩu và tăng nguồn thu ngân sách mà còn là trụ cột quan trọng trong việc giải quyết việc làm và phát triển kinh tế của TP. Huế.

KẾT LUẬN

Giai đoạn 2021-2025, thu hút vốn FDI của TP. Huế đã đạt được những kết quả tích cực. Sự gia tăng liên

BẢNG 1: VỐN FDI ĐÓNG GÓP VÀO KIM NGẠCH XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU, LAO ĐỘNG VÀ NỢP NGÂN SÁCH TP. HUẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025

	Đơn vị	2021	2022	2023	2024	2025
Xuất khẩu	Triệu USD	763,80	813,20	702,70	801,00	815,00
Nhập khẩu	Triệu USD	250,00	293,40	305,30	456,00	462,00
Lao động	Người	24.500	23.500	21.500	25.500	29.000
Nộp ngân sách	Triệu USD	129,00	145,70	185,90	185,80	171,90

Nguồn: Sở Tài chính, Thành phố Huế

tục của số lượng dự án cấp mới, tốc độ tăng trưởng ấn tượng của nguồn vốn thực hiện phản ánh môi trường đầu tư ngày càng thông thoáng, cùng sự nỗ lực và đồng hành hiệu quả của chính quyền địa phương trong việc tháo gỡ khó khăn, giúp các dự án nhanh chóng được triển khai. Khu vực FDI đóng góp tích cực vào việc gia tăng kim ngạch xuất nhập khẩu, duy trì trạng thái xuất siêu vững chắc, đồng thời tạo ra nhiều việc làm và bổ sung nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, bức tranh thu hút FDI của Thành phố còn tồn tại một số hạn chế và thách thức, như: quy mô vốn đăng ký mới có dấu hiệu sụt giảm và biến động mạnh trong những năm cuối giai đoạn, dòng vốn đang phụ thuộc lớn vào các đối tác truyền thống, như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và chủ yếu tập trung vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cùng lĩnh vực bất động sản. Đáng chú ý, các lĩnh vực được định hướng ưu tiên phát triển xanh và bền vững như khoa học công nghệ; nông, lâm, thủy sản; hay cung cấp nước và xử lý rác thải lại nhận được mức đầu tư rất khiêm tốn. Từ những thực trạng này, TP. Huế cần có những chiến lược xúc tiến đầu tư mang tính trọng tâm hơn, chuyển từ thu hút số lượng sang chọn lọc chất lượng, nhằm cân đối cơ cấu ngành và tối ưu hóa hiệu quả dòng vốn FDI trong bối cảnh mới. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Ban chấp hành Trung ương Đảng. (2026). *Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị về Phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài*.
2. Châu Ngọc Hòe & Lê Đức Thủy. (2021). Rào cản trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào vùng Nam Trung Bộ. *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, số 03, 3-16.
3. Legendijk, A., & Hendriks, B. (2009). Foreign Direct Investment. In *International Encyclopedia of Human Geography* (243-254). Elsevier.
4. Nguyễn Anh Dũng, Vũ Hoàng Mạnh Trung, Phạm Ánh Tuyết, Trần Tuấn Anh, & Tuan Anh, T. (2023). Thực trạng thu hút vốn FDI vào Việt Nam và hàm ý chính sách. *Tạp chí Tài chính*, 802, 57-59.
5. Nguyễn Thị Ánh Linh. (2012). *Giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại tỉnh Thừa Thiên Huế*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Đà Nẵng.
6. Nguyễn Thị Mai, Dương Thế Duy, & Nguyễn Thị Mai Phương. (2023). Impact of foreign direct investment on economic growth in Vietnam. *Science & Technology Development Journal - Economics - Law and Management*.
7. Phạm Xuân Hậu, & Phạm Thị Bạch Tuyết. (2013). Thực trạng và giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cho phát triển kinh tế - xã hội TP. Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 52, 16-26.
8. Quốc hội. (2020). *Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020*.